

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố
và quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019
hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính
phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban
nhân dân thành phố quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên*

địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Thực hiện Thông báo số 3976-TB/TU ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc chấp thuận tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Theo Tờ trình số 4096/TTr-STC ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Sở Tài chính; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3380/STP-VB ngày 11 tháng 7 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế; xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ) và xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực đào tạo lái xe ô tô, sát hạch lái xe ô tô không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, Đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà

nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành ủy không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Đối tượng sử dụng và số lượng xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 Quyết định này.

2. Chung loại và mức giá xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 2 Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng

- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch mua sắm, điều chuyển xe ô tô chuyên dùng.

- Việc quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Số lượng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 2 Quyết định này là số lượng tối đa có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định này phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Nguồn kinh phí mua xe phải được sắp xếp, bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm

- Tuân thủ đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, nguyên tắc trang bị, quản lý và sử dụng tài sản đúng theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác tại các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mua sắm xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức

được ban hành tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 5. Kho bạc Nhà nước thành phố

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng kèm theo Quyết định này thực hiện kiểm soát chi đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2019.
2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2016, Quyết định số 4819/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2017 và Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyên

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố)

| STT | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị | Số lượng xe ô tô chuyên dùng |
|---|---|------------------------------|
| I | Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố | 285 |
| Sở Nội vụ | | |
| 1 | Chi cục Văn thư lưu trữ | 1 |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | | |
| 1 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 1 |
| 2 | Văn phòng Biến đổi khí hậu | 1 |
| 3 | Văn phòng Đăng ký đất đai | 1 |
| 4 | Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường | 1 |
| 5 | Trung tâm Phát triển Quỹ đất | 1 |
| 6 | Ban Quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải thành phố | 1 |
| Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | |
| 1 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 1 |
| 2 | Chi cục kiểm lâm | 5 |
| 3 | Chi cục Chăn nuôi và Thú y | 8 |
| 4 | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | 4 |
| 5 | Trung tâm Khuyến nông | 1 |
| 6 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Bình Chánh - Củ Chi | 2 |
| 7 | Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản | 2 |
| 8 | Trung tâm Tư vấn và hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu Kinh tế Nông nghiệp | 1 |
| 9 | Trung tâm Công nghệ sinh học thành phố | 2 |
| Sở Xây dựng | | |
| 1 | Thanh tra Sở Xây dựng | 25 |
| 2 | Trung tâm Quản lý nhà và giám định xây dựng | 1 |
| 3 | Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố | 2 |

| Sở Giao thông vận tải | | |
|--|---|----|
| 1 | Thanh tra Sở Giao thông vận tải | 32 |
| 2 | Trung tâm Quản lý đường hầm sông Sài Gòn | 11 |
| 3 | Trung tâm Quản lý Đường thủy | 2 |
| 4 | Cảng vụ đường thủy nội địa | 1 |
| 5 | Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng thành phố | 2 |
| 6 | Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ | 2 |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | | |
| 1 | Trường Cao đẳng Kinh tế | 1 |
| 2 | Trường Cao Đẳng Kinh tế Kỹ thuật thành phố | 1 |
| 3 | Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức | 1 |
| Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | | |
| 1 | Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 | 2 |
| 2 | Cơ sở Cai nghiện ma túy Đức Hạnh | 1 |
| 3 | Cơ sở Cai nghiện ma túy Phú Đức | 1 |
| 4 | Cơ sở Cai nghiện ma túy Phú Nghĩa | 1 |
| 5 | Cơ sở Cai nghiện ma túy - Bảo trợ xã hội Phú Văn | 2 |
| 6 | Cơ sở Cai nghiện ma túy Phước Bình | 1 |
| 7 | Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa | 2 |
| 8 | Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân Hiệp | 1 |
| 9 | Cơ sở Cai nghiện ma túy Bồ Lá | 1 |
| 10 | Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Đức | 1 |
| 11 | Làng thiếu niên Thủ Đức | 2 |
| 12 | Ban Quản trang thành phố | 1 |
| 13 | Cơ sở Cai nghiện ma túy Bình Triệu | 1 |
| 14 | Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Tam Bình | 2 |
| 15 | Trung tâm Bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè | 1 |
| 16 | Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ người bại liệt Thạnh Lộc | 1 |
| 17 | Trung tâm hỗ trợ xã hội | 2 |
| 18 | Trung tâm Điều dưỡng tâm thần Tân Định | 1 |

| Sở Văn hóa - Thể Thao | | |
|--|--|----|
| 1 | Sở Văn hóa Thể thao | 1 |
| 2 | Bảo tàng chứng tích chiến tranh | 1 |
| 3 | Phòng kiểm tra Văn hóa phẩm XNK | 1 |
| 4 | Trung tâm Thể dục thể thao Thống Nhất | 1 |
| 5 | Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật | 1 |
| 6 | Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang | 5 |
| 7 | Nhạc hát Giao hưởng Nhạc Vũ kịch | 3 |
| 8 | Nhà hát Ca múa nhạc Dân tộc Bông Sen | 2 |
| 9 | Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội | 2 |
| 10 | Nhà hát Kịch Thành phố | 1 |
| 11 | Trung tâm Ca nhạc nhẹ thành phố | 1 |
| 12 | Nhà hát Nghệ thuật Phương Nam | 6 |
| 13 | Bảo tàng TP.HCM | 1 |
| 14 | Bảo tàng Lịch sử | 1 |
| 15 | Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ | 1 |
| 16 | Trung tâm Văn hóa thành phố | 1 |
| 17 | Thư viện Khoa học Tổng hợp | 2 |
| 18 | Trung tâm Thông tin triển lãm | 5 |
| 19 | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao | 2 |
| Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố | | |
| 1 | Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố | 12 |
| 2 | Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm | 1 |
| Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 1 | Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao thành phố | 1 |
| 2 | Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Nông nghiệp Công nghệ cao | 1 |
| 3 | Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao | 2 |
| Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 1 | Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh | 1 |

| | | |
|---|--|----|
| 2 | Trung tâm Nghiên cứu triển khai khu Công nghệ cao | 1 |
| Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị Tây bắc thành phố | | |
| 1 | Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị Tây bắc thành phố | 1 |
| Ban Quản lý Khu công viên lịch sử Văn hóa dân tộc thành phố | | |
| 1 | Ban Quản lý Khu công viên lịch sử Văn hóa dân tộc | 1 |
| Ban Quản lý Đường sắt đô thị | | |
| 1 | Ban Quản lý Đường sắt đô thị | 1 |
| Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông | | |
| 1 | Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông | 2 |
| Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp | | |
| 1 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp | 2 |
| Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thành phố | | |
| 1 | Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thành phố | 2 |
| Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư | | |
| 1 | Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư | 1 |
| Trường Đại học Sài Gòn | | |
| 1 | Trường Đại học Sài Gòn | 5 |
| Đài Tiếng nói nhân dân thành phố | | |
| 1 | Đài Tiếng nói nhân dân thành phố | 2 |
| Đài truyền hình Thành phố | | |
| 1 | Đài Truyền hình thành phố | 50 |
| Lực lượng Thanh niên xung phong TP HCM | | |
| 1 | Lực lượng Thanh niên xung phong | 3 |
| 2 | Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 | 2 |
| 3 | Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2 | 1 |
| 4 | Cơ sở Cai nghiện ma túy số 3 | 1 |
| 5 | Cơ sở xã hội Nhị Xuân | 3 |
| Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch | | |

| | | |
|---|---|------------|
| 1 | Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch | 1 |
| Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 1 | Học viện Cán bộ thành phố | 1 |
| Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố | | |
| 1 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố | 1 |
| Thành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh | | |
| 1 | Thành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh | 2 |
| 2 | Báo Tuổi trẻ | 5 |
| 3 | Báo Khăn Quàng Đỏ | 2 |
| 4 | Nhà thiếu nhi TP | 1 |
| II | Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận - huyện | 785 |
| UBND QUẬN 1 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 10 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 20 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 6 |
| 5 | Trường Chuyên biệt Tương Lai quận 1 | 1 |
| UBND QUẬN 2 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 11 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 22 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Trường Chuyên biệt Thảo Điền | 1 |
| UBND QUẬN 3 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 14 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 28 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |

| | | |
|--------------------|---|----|
| 5 | Trường Chuyên biệt Tương Lai quận 3 | 1 |
| UBND QUẬN 4 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 15 phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 30 |
| 2 | Trung tâm văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| UBND QUẬN 5 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 15 phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 30 |
| 2 | Trung tâm văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Trường Chuyên biệt Tương Lai quận 5 | 1 |
| UBND QUẬN 6 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 14 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 28 |
| 2 | Trung tâm văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Trường Khuyết tật Hy Vọng | 1 |
| UBND QUẬN 7 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 10 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 20 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| UBND QUẬN 8 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 16 phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 32 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |

| | | |
|---------------------------|---|----|
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Trường Khuyết tật Hy Vọng | 1 |
| UBND QUẬN 9 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 13 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 26 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| UBND QUẬN 10 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 15 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 30 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Trường Giáo dục Chuyên biệt quận 10 | 1 |
| UBND QUẬN 11 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 16 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 32 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Trường Giáo dục Chuyên biệt 15/5 | 1 |
| UBND QUẬN 12 | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 11 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 22 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Trường Giáo dục Chuyên biệt Ánh Dương | 1 |
| UBND QUẬN TÂN BÌNH | | |

| | | |
|-----------------------------|---|----|
| 1 | Ủy ban nhân dân 15 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 30 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Tân Bình | 3 |
| 3 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 4 | Trường Giáo dục Chuyên biệt Hướng Dương | 1 |
| UBND QUẬN TÂN PHÚ | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 11 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 22 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Tân Phú | 3 |
| 3 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 4 | Trường Giáo dục Chuyên biệt Bình Minh | 1 |
| UBND QUẬN BÌNH THẠNH | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 20 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 40 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| UBND QUẬN BÌNH TÂN | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 10 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 20 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa Thể dục thể thao quận Bình Tân | 3 |
| 3 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 4 | Trường Giáo dục Chuyên biệt Bình Tân | 1 |
| UBND QUẬN PHÚ NHUẬN | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 15 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 30 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Trường Giáo dục Chuyên biệt Niềm Tin | 1 |
| UBND QUẬN GÒ VẤP | | |

| | | |
|------------------------------|---|----|
| 1 | Ủy ban nhân dân 16 phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 32 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa quận | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục thể thao quận | 1 |
| 4 | Đội quản lý trật tự đô thị Quận | 2 |
| 5 | Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng | 1 |
| UBND QUẬN THỦ ĐỨC | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 12 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 24 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 16 xã, thị trấn (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 32 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa Thể dục thể thao huyện Bình Chánh | 3 |
| 3 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| UBND HUYỆN HÓC MÔN | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 12 xã, thị trấn (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 24 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| UBND HUYỆN CỬ CHI | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 42 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật Củ Chi | 1 |
| UBND HUYỆN NHÀ BÈ | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 7 xã, thị trấn | 14 |

| | | |
|---------------------------|--|--------------|
| | (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục Thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| UBND HUYỆN CẦN GIỜ | | |
| 1 | Ủy ban nhân dân 7 xã, thị trấn (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô) | 14 |
| 2 | Trung tâm Văn hóa | 2 |
| 3 | Trung tâm Thể dục thể thao | 1 |
| 4 | Đội Quản lý trật tự đô thị | 2 |
| 5 | Ban Quản lý Rừng phòng hộ | 2 |
| Tổng cộng (I +II) | | 1,070 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố)

| STT | Chủng loại xe ô tô chuyên dùng | Mức giá tối đa |
|----------|--|---------------------|
| 1 | Xe ô tô tải | |
| | - Tải trọng dưới 1 tấn | 500.000.000 đồng |
| | - Tải trọng từ 1 tấn đến 1,5 tấn | 600.000.000 đồng |
| | - Tải trọng từ 1,6 tấn đến 2,5 tấn | 650.000.000 đồng |
| | - Tải trọng từ 2,6 tấn 3,5 tấn | 900.000.000 đồng |
| | - Tải trọng từ 3,6 tấn đến 4,5 tấn | 1.100.000.000 đồng |
| 2 | Xe ô tô bán tải | 1.200.000.000 đồng |
| 3 | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | |
| | - Xe từ 17 chỗ ngồi đến 24 chỗ ngồi | 1.600.000.000 đồng |
| | - Xe từ 25 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi | 1.800.000.000 đồng |
| | - Xe từ 31 chỗ ngồi đến 45 chỗ ngồi | 2.000.000.000 đồng |
| 4 | Xe ô tô có cấu tạo đặc biệt; xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng; xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe phát thanh, truyền hình lưu động; xe thư viện số lưu động; xe sân khấu lưu động; xe ô tô phun nước; xe ô tô cần cẩu; xe quét rác và hút bụi đường;....) | Theo giá thị trường |

* Ghi chú: Giá xe ô tô nêu trên chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ